

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST.  
Ngày 30-12-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Minh Lý;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 727/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1991; có đơn xin vắng mặt.

Cư trú tại: Ấp C, xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1985; vắng mặt.

Cư trú tại: Ấp X, xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:*

Chị và anh M tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 6-2019, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Trảng Bàng. Sau khi cưới, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh M tại ấp X, xã H. Chị làm nội trợ, anh M làm công nhân, kinh tế độc lập với gia đình. Cuộc sống vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống, anh M không yêu thương, quan tâm chăm sóc chị kể cả khi chị mang thai, ngoài ra giữa chị và mẹ ruột anh M cũng xảy ra mâu thuẫn nên chị đã về nhà mẹ ruột sống đến nay. Vào khoảng cuối tháng 11-2019, chị đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh M nhưng do anh M muốn đoàn tụ và hứa sẽ quan tâm chị nhiều hơn nên trước khi Tòa án thụ lý thì chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn khởi kiện thì anh M vẫn không thay đổi, không quan tâm, lo lắng gì cho chị và con. Chị và anh M đã tự ly thân từ tháng 4-2020 đến nay, vợ chồng không gặp nhau, không quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không còn hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Trần Thái D, sinh ngày 08-4-2020, hiện đang sống cùng với chị. Cháu D rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Trần Văn M đến Tòa án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh M vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh M.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị G đối với anh Trần Văn M. Chị G được ly hôn anh M.

Về con chung: Giao chị G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thái D, sinh ngày 08-4-2020. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị G và anh M chung sống với nhau năm 2019, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Trảng Bàng. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn theo chị G trình bày là do anh M không quan tâm, chăm sóc chị và giữa chị và gia đình chồng cũng có mâu thuẫn, không thể chung sống hòa hợp với nhau. Vợ chồng chị G, anh M đã tự ly thân từ tháng 4-2020 đến nay, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể hàn gắn được. Nay chị G yêu cầu được ly hôn anh M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập họp lệ anh M nhiều lần nhưng anh M đều vắng mặt, cho thấy anh M không có thiện chí hàn gắn cùng chị G. Kết quả xác minh tại địa phương và mẹ ruột của anh M thể hiện từ sau khi kết hôn, vợ chồng chị G, anh M có thời gian chung sống cùng nhau rất ít vì từ khoảng cuối năm 2019 thì chị G đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và anh M vẫn tiếp tục sống cùng cha mẹ ruột, không chung sống cùng chị G. Mặt khác, chị G xác định không còn tình cảm và không muốn hàn gắn với anh M, cho thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị G và anh M đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh M, cho chị G được ly hôn anh M là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Cháu Trần Thái D, sinh ngày 08-4-2020 hiện đang theo sống cùng chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D. Xét thấy, từ khi chị G và anh M ly thân, chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, cháu phát triển rất tốt về thể chất lẫn tinh thần. Bên cạnh đó, cháu D hiện tại vẫn còn nhỏ (dưới 36 tháng), cần được sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của

Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị G không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí:

Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị G đối với anh Trần Văn M.

Chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Trần Văn M.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Thái D, sinh ngày 08-4-2020 cho chị Nguyễn Thị G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị G không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí:

Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0014966 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị G, anh M có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Minh Thư**